

Số: 07/2022/QĐST-DS.

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành được lập ngày 20/01/2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 276/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Văn Thị Ngọc Ng, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 29 L, khu phố 3, phường K, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Thanh V, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số nhà 26/13 Q, khu phố 2, phường P, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Lê Thị Bích Ng, sinh năm: 1952.

+ Cháu Phan Quỳnh A, sinh năm: 2009.

+ Cháu Phan Bảo A, sinh năm: 2013.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Phan Quỳnh A và cháu Phan Bảo A: Bà Lê Thị Thanh V, là mẹ của các cháu.

Cùng địa chỉ: Số nhà 26/13 Q, khu phố 2, phường P, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 29 L, khu phố 3, phường K, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Văn Thị Ngọc Ng, sinh năm: 1978.

+ Ông Lê Tiến D, sinh năm: 1966 và bà Hồng Thu Đ, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: Số 75/19B N, phường Đ, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Lê Thị Thanh Th, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường T, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Phần sở hữu của bà Lê Thị Thanh V trong khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 24, phường Phú Hà được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận số CQ 154506 ngày 05/01/2019 và các tài sản khác gắn liền với đất là $\frac{1}{4}$ (Giá trị tài sản tạm tính để tính án phí: 151.116.718^d).

Phần sở hữu của bà Lê Thị Thanh V được dùng để thi hành án cho những người được thi hành án gồm: Ông Nguyễn Đức D và bà Văn Thị Ngọc Ng; ông Lê Tiến D và bà Hồng Thu Đ; bà Lê Thị Thanh T và các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Phần sở hữu của bà Lê Thị Bích Ng trong khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 24, phường Phú Hà được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận số CQ 154506 ngày 05/01/2019 và các tài sản khác gắn liền với đất là $\frac{1}{4}$ (Giá trị tài sản tạm tính để tính án phí: 151.116.718^d).

2.3. Phần sở hữu của cháu Phan Quỳnh A trong khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 24, phường Phú Hà được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận số CQ 154506 ngày 05/01/2019 và các tài sản khác gắn liền với đất là $\frac{1}{4}$ (Giá trị tài sản tạm tính để tính án phí: 151.116.718^d).

2.4. Phần sở hữu của cháu Phan Bảo A trong khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 24, phường Phú Hà được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận số CQ 154506 ngày 05/01/2019 và các tài sản khác gắn liền với đất là $\frac{1}{4}$ (Giá trị tài sản tạm tính để tính án phí: 151.116.718^d).

Phần sở hữu của cháu Phan Quỳnh A và cháu Phan Bảo A tạm giao cho bà Lê Thị Thanh V quản lý.

2.5. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.847.642^d (*Hai triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*) bà Lê Thị Thanh V tự nguyện chịu toàn bộ. Do bà Văn Thị Ngọc Ng đã tạm ứng nên bà Lê Thị Thanh V phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Văn Thị Ngọc Ng số tiền 2.847.642^d (*Hai triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*).

2.6. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh V, bà Lê Thị Bích Ng, cháu Phan Quỳnh A và cháu Phan Bảo A mỗi người phải chịu 3.778.000^d (*Ba triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Văn Thị Ngọc Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.275.000^d (*Bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0022845 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- Chi cục THADS Thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

THẨM PHÁN

Nguyễn Bảo Châu